TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2021/HS-ST
Ngày 09-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn H.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị L.
2. Ông Lê Quang T.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh L– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị H– Kiểm sát viên.

Ngày 09-9-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2021/TLST-HS ngày 17-8-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-HS ngày 25-8-2021 của Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. Nguyễn Văn V, sinh năm 1967; Nơi cư trú: thôn L N, xã K H, huyện T T, Thành Phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/10; Con ông Nguyễn Văn T(đã chết) và bà Tô Thị H1, sinh năm 1930; Vợ là: Nguyễn Thị S, sinh năm 1970; Có 02 người con, con lớn sinh năm 1991 và con nhỏ sinh năm 1995; Tiền án: Tại bản án số 114 ngày 08-6-1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Hưng, xử phạt 09 năm tù về các tội "Trộm cắp tài sản của công dân và tội Cướp giật tài sản", ngày 19-5-1994, Vtrốn khỏi nơi giam giữ; Ngày 29-7-1996 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây, xử phạt 08 năm tù về tội " Cướp giật tài sản của công dân", tổng hợp hình phạt với bản án số 114 ngày 08-6-1993, Vphải chấp hành hình phạt chung là 17 năm tù, được trừ thời gian đã chấp hành án là 01 năm 03 tháng 16 ngày tù, chấp hành xong hình phạt ngày 24-9-2007; Ngày 31-12-2009 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội, xử phạt 04 năm tù về tội " Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 01-8-2013; Ngày 02-3-2015 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội, xử phạt 06 năm tù về tội " Cướp giật tài sản", chấp hành

xong hình phạt ngày 12-02-2020; Tiền sự: Không; Vbị bắt tạm giam ngày 01-4-2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. *(có mặt)*

1.2. Dương Đức H2, sinh năm 1973; Nơi cư trú: thôn B V, xã V B, huyện T T, Thành Phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/10; Con ông Dương Quốc H3(đã chết) và bà Nguyễn Thị D(đã chết); Vợ là: Đỗ Thị L, sinh năm 1973; Có 01 người con, sinh năm 2003; Tiền án: Ngày 31-12-2009 bị Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Thành Phố Hà Nội, xử phạt 05 năm tù về tội " Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 11-10-2013; Ngày 02-3-2015 bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, Thành Phố Hà Nội, xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội " Cướp giật tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 12-01-2020; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 14-7-1994 bị Tòa án nhân dân Tối cao, xử phạt 06 năm tù về các tội " Cướp tài sản của công dân, Trộm cắp tài sản của công dân và Chống người thi hành công vụ", chấp hành xong hình phạt ngày 15-6-1999; H2 bị bắt tạm giam ngày 01-4-2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. *(có mặt)*

2. Người bị hại:

2.1. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993.

Trú tại: thôn T Q, xã P H, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. *(Vắng mặt)*

2.2. Chị Nguyễn Thị N , sinh năm 1990.

Trú tại: thôn T Q, xã P N L, huyện K Đ, tỉnh Hưng Yên. *(Vắng mặt)*

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970.

Trú tại: thôn L N, xã K H, huyện T T, Thành Phố Hà Nội. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ ngày 30/3/2021, Dương Đức H2 ở thôn B V, xã V B, huyện T T, Thành Phố Hà Nội gọi điện rủ Nguyễn Văn V ở thôn L N, xã K H, huyện T T, Thành Phố Hà Nội đi cướp giật tài sản lấy tiền tiêu xài. Sau đó V điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 29Y5 -694.62 đến đón H2 tại nhà riêng. Để thực hiện ý định trên, V điều khiển xe mô tô chở H2 đi qua bến phà Hồng Vân thuộc địa phận xã H V, huyện T T, thành phố Hà Nội sang bến phà B M, xã B M, huyện Khoái Châu. Khi đến đoạn đường đê 378 lối xuống bến phà Bình Minh, V tháo biển số xe cất vào trong cốp xe rồi chở H2 đi dọc theo tuyến đường 377, 382 thuộc địa bàn huyện Khoái Châu tìm kiếm người dân sơ hở để cướp giật tài sản. Khi Vvà H2 đi đến đoạn

đường 377 gần công ty may M A thuộc thôn T Q, xã P H, huyện Khoái Châu thì V phát hiện chị Nguyễn Thị T1 sinh năm 1993 ở thôn Tiểu Quan đang điều khiển xe mô tô biển số 89E1-321.58 đi phía trước cùng chiều xe của V, trên vai chị T1 có đeo 1 túi xách bằng vải. Vnói: " có xe đằng trước" thì H2 hiểu ngay ý của Vlà sẽ cướp giật tài sản của chị T1. Sau đó Vđiều khiển xe tăng tốc, áp sát bên trái xe của chị T1, còn H2 dùng tay phải giật mạnh vào túi xách của chị T1. Sau khi giật được túi xách, Vtăng ga điều kH2 xe mô tô chạy đến khu vực cánh đồng ngoài đê sông Hồng (không rõ địa chỉ cụ thể) thì dừng xe lại cùng H2 kiểm tra túi xách, thấy bên trong túi có 01 điện thoại di động Iphone 6, số tiền 1.540.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân của chị T1, Vvà H2 chia nhau mỗi người 770.000 đồng rồi vứt điện thoại, giấy tờ cùng túi xách lại. Sau đó Vgắn biển số xe vào xe rồi chở H2 qua bến đò Hồng Vân về nhà.

Qúa trình điều tra mở rộng vụ án còn xác định cũng với thủ đoạn nêu trên, Vvà H2 còn thực hiện thêm 01 vụ cướp giật tài sản vào ngày 30/1/2021 tại thôn T, xã A V, huyện Khoái Châu. Hành vi phạm tội cụ thể như sau: Khoảng 11 giờ ngày 30/01/2021, V điều khiển xe mô tô Airblade biển số 29Y5- 694.62 chở H2 từ nhà sang địa bàn huyện Khoái Châu để cướp giật tài sản. Khi Vđiều khiển xe mô tô đến đoạn đường 377 thuộc địa phận thôn T, xã A V, huyện Khoái Châu thì phát hiện chị Nguyễn Thị N sinh năm 1990 ở thôn T Q, xã P N L, huyện Khoái Châu đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển số 89K3 – 1641 đi ngược chiều, có đeo một túi xách bằng vải trên vai. V nói với H2: "quay lại để cướp nhé" thì H2 đồng ý. Sau đó Vđiều khiển xe quay lại. Khi đến đoạn đường vắng người qua lại, Vtăng tốc xe đi song song áp sát vào bên trái xe của chị N, H2 dùng tay phải giật mạnh chiếc túi xách của chị N. Chị N bị đổ xe, ngã xuống đường nhưng không bị thương tích gì. Thấy H2 giật được túi, Vtăng ga điều khiển xe bỏ chạy đến khu vực đất trống gần bến phà xã Bình Minh thì dừng xe kiểm tra túi xách, phát hiện bên trong có số tiền là 3.500.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 và một số giấy tờ tùy thân. Vvà H2 chia nhau mỗi người được 1.750.000 đồng rồi vứt lại điện thoại, túi xách, giấy tờ tùy thân của chị N ở bên đường.

Sau khi sự việc xảy ra, chị T1 có đơn trình báo Công an huyện Khoái Châu. Ngày 01/4/2021 Nguyễn Văn V và Dương Đức H2bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu bắt tạm giam. Cơ quan điều tra quản lý của H2 số tiền 930.000 đồng, 01 quần bò dài màu xanh đen, 01 đôi giày; quản lý

của Vsố tiền 1.360.000 đồng, 01 chiếc điện thoại Mastel, 01 xe mô tô Honda Airblade biển số 29Y5 – 694.62, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn V; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 áo khoác dài tay màu tím than; 01 khẩu trang vải màu trắng.

Cơ quan điều tra đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Khoái Châu định giá vật chứng của 02 vụ án nêu trên gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone 6, 01 chiếc điện thoại Nokia 1280 và 02 chiếc túi xách.

Bản kết luận số 42, 43 ngày 09/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Khoái Châu xác định: trị giá của chiếc điện thoại Nokia 1280 tại thời điểm ngày 30/1/2021 là 125.000 đồng; trị giá của chiếc điện thoại Iphone 6 tại thời điểm ngày 30/3/2021 là 1.167.000 đồng. Còn 02 chiếc túi xách bằng vải do không rõ nhãn hiệu, thông số kỹ thuật nên Hội đồng định giá không đủ căn cứ để xác định giá trị của tài sản.

Về vật chứng: Chiếc xe mô tô Honda Airblade biển số 29Y5 – 694.62 được xác định là tài sản chung của vợ chồng V, chị Nguyễn Thị S (vợ của V) không biết Vsử dụng xe làm phương tiện phạm tội; 01 quần bò dài màu xanh đen, 01 đôi giày, 01 chiếc điện thoại Mastel, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên V, 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 áo khoác dài tay màu tím than, 01 khẩu trang vải màu trắng là những vật dụng có liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý. Tổng số tiền thu giữ của H2 và Vlà 2.290.000 đồng, xác định trong đó có 1.540.000 đồng là số tiền các bị can chiếm đoạt của chị T1, số tiền còn lại là tiền riêng của các bị can, Cơ quan điều tra đã nộp vào tài khoản tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước huyện Khoái Châu chờ xử lý. Đối với 02 chiếc túi xách bằng vài, 02 chiếc điện thoại cùng giấy tờ cá nhân của chị T1 và chị N, Vvà H2 đã vứt trên đường nhưng không nhớ vị trí cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị T1 yêu cầu Vvà H2 bồi thường số tiền 2.707.000 đồng; chị Nguyễn Thị N yêu cầu V, H2 bồi thường 3.625.000 đồng gồm số tiền mặt và giá trị của điện thoại mà các bị can đã chiếm đoạt.

Cáo trạng số 83/CT-VKSKC ngày 17-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố các bị cáo Nguyễn Văn V, Dương Đức H2đều về tội *"Cướp giật tài sản"* theo điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Nguyễn Văn V và Dương Đức H2thành khẩn nhận tội và khai báo diễn biến hành vi phạm tội như hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên truy tố trong bản Cáo trạng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố đối với cả 02 bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn V và Dương Đức H2đều phạm tội *"Cướp giật tài sản"*. Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đối với cả 02 bị cáo); xử phạt Nguyễn Văn V và Dương Đức H2mỗi bị cáo từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 01-4-2021; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a,b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; trả lại cho chị Nguyễn Thị T1, số tiền là 1.540.000đồng; trả lại cho bị cáo H2 số tiền là 160.000đồng và trả lại cho bị cáo Vsố tiền là 590.000đồng; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước giá trị ½ chiếc xe mô tô Honda Airblade, biển số 29Y5-694.62; trả lại cho bà Nguyễn Thị S giá trị ½ chiếc xe mô tô Honda Airblade, biển số 29Y5-694.62 cùng 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn V; Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Mastel; Tịch thu tiêu hủy 01 quần bò dài màu đen, 01 đôi giày, 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 áo khoác dài tay màu tím than, 01 khẩu trang vải màu trắng.

Về trách nhiệm dân sự, căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc các bị cáo phải liên đới trả lại cho chị T1, số tiền là 1.167.500đồng và trả lại cho chị N, số tiền là 3.625.000đồng;

- Bị cáo nói lời sau cùng: Cả hai bị cáo nhận thức được lỗi lầm của mình, ăn năn hối cải và đều xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật và không ai có ý kiến hoặc

khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của cả hai bị cáo phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và được chứng minh bằng các chứng cứ khác như: Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác, thể hiện: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/01/2021 đến ngày 30-3-2021, tại đường 377 thuộc địa phận thôn T, xã A V và đoạn đường 377 thuộc thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Nguyễn Văn V có hành vi điều kH2 xe mô tô, biển số 29Y5-694.62 chở Dương Đức H2ngồi phía sau thực hiện hành vi cướp giật túi xách bên trong có số tiền 3.500.000đ và 01 chiếc điện thoại di động Nokia 1280, trị giá 125.000đồng của chị Nguyễn Thị N , sinh năm 1990 ở thôn Tiên Quán, xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động đang điều kH2 xe mô tô đi trên đường; cướp giật túi xách bên trong có 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6, trị giá 1.167.000đồng và số tiền 1.540.000đồng của chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993 ở thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên đang điều kH2 xe mô tô đi trên đường. Tổng giá trị tài sản Vvà H2 chiếm đoạt của chị N là 3.625.000đồng, của chị T1 là 2.707.000đồng. Nguyễn Văn V và Dương Đức H2dùng xe mô tô để cướp giật tài sản của người đang điều kH2 xe mô tô, xác định các bị cáo đã dùng thủ đoạn gây nguy hiểm đến tính mạng của người bị hại; ngoài ra, Vvà H2 đều đã có tiền án và đều đã được xác định là tái phạm, đến nay chưa được xóa án tích, các bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Vì vậy, với hành vi nêu trên của Nguyễn Văn V và Dương Đức H2đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Cướp giật tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Nguyễn Văn V và Dương Đức H2theo tội danh và điều luật áp dụng được thể hiện trong Cáo trạng số 83/CT-VKSKC ngày 17-8-2021 là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình nhưng cố ý phạm tội, thể hiện bị cáo không chịu rèn luyện bản thân nên cần xử lý nghiêm.

[3]. Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân, vai trò của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

- Về nhân thân: Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, thể hiện việc cả bị cáo đều đã nhiều lần bị kết án về tội Cướp giật tài sản của công dân nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

- Về vai trò: Vụ án có đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc trước, các bị cáo đều thực hiện hành vi phạm tội tích cực nên là đồng phạm có vai trò ngang nhau trong vụ án.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong khoảng thời gian từ ngày 30/01/2021 đến ngày 30-3-2021, Vvà H2 đã hai lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên cả hai bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là "phạm tội hai lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa cả hai bị cáo đều thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho cả hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, với đặc điểm nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích, thấy cần thiết phải cách ly cả hai bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và phòng chống tội phạm nói chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của cả hai bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo đều là lao động tự do, không có thu nhập, kinh tế gia đình khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng, căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với số tiền đã thu giữ là 2.290.000đ *(Hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng)*, gồm thu của Nguyễn Văn V số tiền 1.360.000đồng và thu của Dương Đức H2số tiền 930.000đồng. Xác định, trong đó có 1.540.000đồng (gồm của bị cáo V770.000đồng và của bị cáo H2 770.000đồng) là số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị T1 nên trả lại cho chị T1; số tiền còn lại (gồm của Vlà 590.000đồng và của H2 là 160.000đồng) là tiền riêng của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

(Số tiền 2.290.000đ (Hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) hiện đã nộp vào tài khoản số 3949.0.9004070.00000 ngày 07-4-2021 tại Kho bạc nhà nước huyện Khoái Châu của Công an huyện Khoái Châu)

- 01 chiếc điện thoại Mastel, Cơ quan điều tra đã thu giữ của V, xác định có liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tịch thu cho phát mại để sung vào ngân sách nhà nước;

- 01 chiếc xe mô tô Honda Airblade, biển số 29Y5-694.62 và 01 chứng nhận xe mô tô mang tên Nguyễn Văn V, các bị cáo đã dùng làm phương tiện vào việc phạm tội là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị S, bà Suốt không biết các bị cáo đã dùng vào việc phạm tội nên bà Suốt không có lỗi. Vì vậy, tịch thu cho phát mại để sung vào ngân sách nhà nước giá trị ½ chiếc xe mô tô Honda Airblade, biển số 29Y5-694.62; trả lại cho bà Nguyễn Thị S giá trị ½ chiếc xe mô tô Honda Airblade, biển số 29Y5-694.62. *(Kèm theo là 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn V)*;

- 01 quần bò dài màu đen, 01 đôi giày, 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 áo khoác dài tay màu tím than, 01 khẩu trang vải màu trắng đã thu giữ của các bị cáo, xác định hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về trách nhiệm dân sự, căn cứ khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tài sản do các bị cáo V, H2 chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị N là 3.625.000đồng và của chị Nguyễn Thị T1 là 2.707.000đồng là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị N và chị T1, chị N và chị T1 đều yêu cầu các bị cáo phải trả lại nên buộc Nguyễn Văn V và Dương Đức H2mỗi bị cáo phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho chị N và chị T1 toàn bộ số tiền nói trên. Do trong số tiền 2.290.000đ, Cơ quan điều tra thu giữ của các bị cáo gồm có 1.540.000 đồng là số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của chị T1 đã được giải quyết tại phần xử lý vật chứng. Nên cần buộc các bị cáo phải liên đới trả lại cho chị T1 số tiền còn lại là 1.167.000 đồng và trả lại cho chị N số tiền là 3.625.000 đồng. Chia theo tỷ lệ buộc Vvà H2 mỗi bị cáo phải trả lại cho chị Nguyễn Thị T1, số tiền là 583.500đồng và trả cho chị Nguyễn Thị N , số tiền là 1.812.500đồng.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn V và Dương Đức H2phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đối với cả 02 bị cáo).

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn V và Dương Đức H2đều phạm tội *"Cướp giật tài sản"*.

Xử phạt: Nguyễn Văn V 07 *(bẩy)* năm 03 *(ba)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 01-4-2021).

Xử phạt: Dương Đức H207 *(bẩy)* năm 03 *(ba)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 01-4-2021).

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cả hai bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a,b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993 ở thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, số tiền là 1.540.000đ *(Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng)*;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn V, số tiền 590.000đ *(Năm trăm chín mươi nghìn đồng)*;

- Trả lại cho bị cáo Dương Đức H2, số tiền 160.000đ *(Một trăm sáu mươi nghìn đồng)*;

(Số tiền 2.290.000đ (Hai triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng), hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã nộp vào tài khoản số 3949.0.9004070.00000 ngày 07-4-2021 tại Kho bạc nhà nước huyện Khoái Châu của Công an huyện Khoái Châu).

- Tịch thu cho phát mại để sung vào ngân sách nhà nước, 01 chiếc điện thoại di động Mastel.

- Tịch thu cho phát mại để sung vào ngân sách nhà nước giá trị ½ chiếc xe mô tô Honda Airblade, biển số 29Y5-694.62;

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970 ở thôn L N, xã K H, huyện T T, Thành Phố Hà Nội, giá trị ½ chiếc xe mô tô Honda Airblade, biển số 29Y5-694;

(Kèm theo chiếc xe mô tô Honda Airblade, biển số 29Y5-694.62 là 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Văn V)

- Tịch thu tiêu hủy: 01 quần bò dài màu đen, 01 đôi giày, 01 mũ bảo hiểm màu đen, 01 áo khoác dài tay màu tím than, 01 khẩu trang vải màu trắng.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Quyết định chuyển vật chứng số 62/QĐ-VKSKC ngày 17-8-2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu)

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Buộc Nguyễn Văn V phải trả lại cho chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993 ở thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, số tiền là 583.500đ *(Năm trăm tám mươi ba nghìn lăm trăm đồng)* và trả lại cho chị Nguyễn Thị N , sinh năm 1990 ở thôn Tiên Quán, xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, số tiền là 1.812.500đ *(Một triệu tám trăm mười hai nghìn lăm trăm đồng)*.

- Buộc Dương Đức H2phải trả lại cho chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1993 ở thôn Tiểu Quan, xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, số tiền là 583.500đ *(Năm trăm tám mươi ba nghìn lăm trăm đồng)* và trả lại cho chị Nguyễn Thị N , sinh năm 1990 ở thôn Tiên Quán, xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, số tiền là 1.812.500đ *(Một triệu tám trăm mười hai nghìn lăm trăm đồng)*.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Văn V và Dương Đức H2mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án (ngày 09-9-2021). Bị hại có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến

quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKS, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hưng Yên;
- VKS, Công an huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi liên quan;
- UBND các xã (Khánh Hà, Văn Bình, Phùng Hưng, Phạm Ngũ Lão);
- Lưu hồ sơ vụ án, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn H